

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 26-7-2019  
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng  
(ly hôn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Vũ Văn Vần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng) ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2871/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Đoàn N. T, sinh năm 1991; nơi cư trú: 85/12/25/11 PS, PS1, NT, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1971; ĐKKHKT: Thôn TQ, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại Hyogoken Himejishi Hanadacho Ogawa 657 Banchi1 – 301 Go, Nhật Bản.

Chị Nguyễn Đoàn N. T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn C có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn là chị Nguyễn Đoàn N. T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C quen nhau khi cùng là lao động tại Nhật Bản, sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại tỉnh Hyogo thành phố Himeji, Nhật Bản vào ngày 04/11/2009 nhưng không thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Sau khi kết

hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cùng nhau tại Nhật Bản được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách khác nhau dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau. Nhiều lần anh chị cãi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì một số lý do tháng 3/2019 chị T cùng hai con trở về Việt Nam, còn anh C vẫn ở lại Nhật Bản làm công nhân. Từ đó vợ chồng sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C (không công nhận chị và anh C là vợ chồng).

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 10/01/2013 và Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 22/12/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị T tại Việt Nam. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:*

Anh Lê Văn C thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Đoàn N. T về quá trình kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Đoàn N. T có 02 con chung là Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 10/01/2013 và Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 22/12/2013. Sau khi ly hôn, anh C đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lê Văn C có mặt, chị Nguyễn Đoàn N. T vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố đơn xin xét xử vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của chị Nguyễn Đoàn N. T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Đoàn N. T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng (ly hôn) giữa chị T và anh Lê Văn C là lao động tại Nhật Bản và hiện đang anh C trú

tại thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Đoàn N. T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại tỉnh Hyogo thành phố Himeji, Nhật Bản vào ngày 04/11/2009 nhưng không thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, không thực hiện việc ghi chú kết hôn theo quy định tại Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 11/5/2015 của Chính Phủ và theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây không phải là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 3/2019 khi chị T cùng hai con trở về Việt Nam đến nay anh chị sống mỗi người một nơi, không liên quan đến nhau về tình cảm và kinh tế. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh C là vợ chồng và được anh C đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C có 02 con chung Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 10/01/2013 và Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 22/12/2013. Chị T và anh C thỏa thuận giao con chung Nguyễn Nhật Th và Nguyễn Ngọc N.Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận của anh chị là đúng quy định không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Căn cứ Điều 14, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh C.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Đoàn N. T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 10/01/2013 và Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Nguyễn Đoàn N. T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đoàn N. T và anh Lê Văn C không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Đoàn N. T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001936 ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Đoàn N. T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**